

UBND TỈNH QUẢNG NGÃI
SỞ TÀI CHÍNH

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Số: 1925/STC-TCĐT

Quảng Ngãi, ngày 16 tháng 7 năm 2021

V/v công khai tình hình giải
ngân kế hoạch vốn đầu tư
công năm 2021 đến thời điểm
30/6/2021

Kính gửi:

- Các Sở, ban ngành tỉnh;
- Bộ Chỉ huy Quân sự tỉnh, Bộ Chỉ huy Bộ đội Biên phòng tỉnh và Công an tỉnh;
- BQL Khu kinh tế Dung Quất và các Khu công nghiệp Quảng Ngãi;
- BQL dự án ĐTXD công trình: Giao thông, Dân dụng và Công nghiệp;
- UBND các huyện, thị xã, thành phố.

Thực hiện Chỉ thị số 04/CT-UBND ngày 09/01/2021 của Chủ tịch UBND tỉnh về việc đẩy nhanh tiến độ thực hiện và giải ngân kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021; Trên cơ sở báo cáo tình hình thực hiện và thanh toán vốn đầu tư XDCB của Kho bạc nhà nước Quảng Ngãi tháng 6 năm 2021; Sở Tài chính báo cáo công khai tình hình thực hiện kế vốn đầu tư XDCB đến ngày 30/6/2021, cụ thể như sau:

1. Về tình hình giao kế hoạch vốn và giải ngân:

- Tổng kế hoạch vốn đầu tư công năm 2021 được UBND tỉnh giao là 6.157.466 triệu đồng, trong đó: Kế hoạch vốn giao đầu năm là 5.235.777 triệu đồng, kế hoạch vốn kéo dài là 701.190 triệu đồng, kế hoạch vốn bổ sung là 220.500 triệu đồng.

- Tổng số giải ngân đến ngày 30/6/2021 là 1.519.850 triệu đồng, trong đó: giải ngân kế hoạch vốn giao đầu năm là 1.209.071 triệu đồng, giải ngân vốn kéo dài là 215.537 triệu đồng, giải ngân vốn bổ sung là 95.242 triệu đồng; đạt 24,7% kế hoạch vốn.

2. Về nhập dự toán trên hệ thống Tabmis: Đến ngày 30/6/2021, kế hoạch vốn đã được UBND tỉnh giao nhưng chủ đầu tư chưa cung cấp mã số dự án để Sở Tài chính nhập dự toán là 9.033 triệu đồng, tương ứng với 49 dự án.

(Số liệu chi tiết theo Phụ lục số 01, 02 đính kèm)

Sở Tài chính báo cáo công khai để các đơn vị phối hợp thực hiện./.

Nơi nhận: ĐB

- Như trên;
- UBND tỉnh (báo cáo);
- Sở KH và ĐT (phối hợp);
- KBNN Quảng Ngãi (phối hợp);
- Sở Tài chính;
- + Giám đốc và các PGĐ Sở;
- + Website Sở Tài chính;
- Lưu: VT, TCĐT (ttthuong).



KT. GIÁM ĐỐC
PHÓ GIÁM ĐỐC

Phạm Hữu Thịnh

Phụ lục số 01
CÔNG KHAI TÌNH HÌNH GIẢI NGÂN KẾ HOẠCH VỐN NĂM 2021 CỦA CÁC CƠ QUAN, ĐƠN VỊ TRÊN ĐỊA BÀN TỈNH
SỬ DỤNG NGUỒN VỐN ĐẦU TƯ CÔNG THUỘC NGUỒN VỐN CẤP TỈNH QUẢN LÝ

(Kèm theo Công văn số 1925/STC-TCĐT ngày 16 /7/2021 của Sở Tài chính)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Đơn vị	Tổng kế hoạch vốn						Số giải ngân đến 30/6/2021						Tỷ lệ giải ngân (%)
		Tổng số	Kế hoạch giao đầu năm	Trong đó:		Kế hoạch vốn kéo dài	Kế hoạch vốn bổ sung	Tổng số	Giải ngân KHV giao đầu năm	Trong đó:		Giải ngân KHV kéo dài	Giải ngân KHV bổ sung	
				Địa phương	TW					Địa phương	TW			
1	2	3=4+7+8	4=5+6	5	6	7	8	9=10+13+14	10=11+12	11	12	13	14	15=9/3
	Tổng số	6.157.466	5.235.777	4.238.631	997.146	701.190	220.500	1.519.850	1.209.071	815.959	393.112	215.537	95.242	24,7
I	Các huyện, thành phố	2.363.215	2.159.351	1.967.929	191.422	203.865	0	826.924	713.564	560.787	152.776	113.360	0	35,0
1	Huyện Bình Sơn	235.841	211.857	208.433	3.423	23.984		61.730	55.344	51.920	3.423	6.387		26,2
2	Huyện Sơn Tịnh	163.431	159.089	155.346	3.743	4.342		70.925	70.243	66.499	3.743	682		43,4
3	Thành phố Q Ngãi	433.167	413.720	388.920	24.800	19.447		131.923	127.724	102.924	24.800	4.198		30,5
4	Huyện Tư Nghĩa	287.227	282.893	277.901	4.992	4.334		51.883	51.197	46.205	4.992	686		18,1
5	Huyện Mộ Đức	162.255	160.096	157.538	2.558	2.159		54.753	53.121	50.562	2.558	1.632		33,7
6	Thị xã Đức Phổ	165.337	164.869	161.321	3.549	467		64.123	64.084	60.535	3.549	39		38,8
7	Huyện Nghĩa Hành	272.289	268.206	218.206	50.000	4.083		49.737	47.982	22.190	25.792	1.755		18,3
8	Huyện Minh Long	55.377	52.277	51.677	600	3.100		15.480	15.081	14.481	600	399		28,0
9	Huyện Ba Tơ	133.473	114.509	109.032	5.477	18.963		74.239	64.957	59.480	5.477	9.282		55,6
10	Huyện Sơn Hà	101.196	70.669	67.152	3.516	30.527		52.692	32.557	29.040	3.516	20.135		52,1
11	Huyện Sơn Tây	93.954	69.809	67.428	2.381	24.144		37.071	20.685	18.304	2.381	16.386		39,5
12	Huyện Lý Sơn	141.608	102.787	21.784	81.003	38.821		110.422	71.601	5.035	66.566	38.821		78,0
13	Huyện Trà Bồng	118.061	88.570	83.191	5.379	29.492		51.947	38.988	33.610	5.379	12.958		44,0

TT	Đơn vị	Tổng kế hoạch vốn						Số giải ngân đến 30/6/2021						Tỷ lệ giải ngân (%)
		Tổng số	Kế hoạch giao đầu năm	Trong đó:		Kế hoạch vốn kéo dài	Kế hoạch vốn bổ sung	Tổng số	Giải ngân KHV giao đầu năm	Trong đó:		Giải ngân KHV kéo dài	Giải ngân KHV bổ sung	
				Địa phương	TW					Địa phương	TW			
1	2	3=4+7+8	4=5+6	5	6	7	8	9=10+13+14	10=11+12	11	12	13	14	15=9/3
II	Các Sở, ban, ngành tỉnh	2.832.829	2.115.004	1.464.330	650.674	497.325	220.500	692.926	495.507	255.172	240.335	102.177	95.242	24,5
1	Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông tỉnh	1.886.812	1.368.601	1.025.296	343.305	308.212	210.000	446.917	279.266	103.537	175.729	73.851	93.800	23,7
1.1	<i>Ban QLDA ĐTXD các công trình Giao thông tỉnh</i>	<i>1.120.456</i>	<i>980.456</i>	<i>955.296</i>	<i>25.160</i>	<i>140.000</i>		<i>100.897</i>	<i>100.897</i>	<i>100.676</i>	<i>222</i>	<i>0</i>		<i>9,0</i>
1.2	<i>Ban QLDA ĐTXD các công trình Nông nghiệp và PTNT tỉnh</i>	<i>766.357</i>	<i>388.145</i>	<i>70.000</i>	<i>318.145</i>	<i>168.212</i>	<i>210.000</i>	<i>346.019</i>	<i>178.369</i>	<i>2.862</i>	<i>175.507</i>	<i>73.851</i>	<i>93.800</i>	<i>45,2</i>
2	Ban QLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh	112.191	103.980	90.980	13.000	8.211		41.310	35.210	35.210	0	6.099		36,8
3	Ban QL KKT Dung Quất và KCN tỉnh	170.422	111.166	31.166	80.000	59.256		6.441	5.733	5.733	0	709		3,8
4	Sở Nông nghiệp và PTNT	141.084	102.949	36.675	66.274	35.136	3.000	45.188	27.685	13.988	13.697	16.061	1.442	32,0
5	Sở Giao thông vận tải	65.313	41.773	40.333	1.440	17.040	6.500	41.314	41.314	39.874	1.440	0	0	63,3
6	Sở Giáo dục và Đào tạo	7.534	7.230	0	7.230	304		3.219	3.219	0	3.219	0		42,7
7	Sở Tài nguyên và Môi trường	148.217	141.760	118.235	23.525	6.457	0	18.216	13.257	13.096	160	4.960	0	12,3
7.1	<i>Sở Tài nguyên và Môi trường</i>	<i>127.082</i>	<i>120.625</i>	<i>97.100</i>	<i>23.525</i>	<i>6.457</i>		<i>5.665</i>	<i>706</i>	<i>545</i>	<i>160</i>	<i>4.960</i>		<i>4,5</i>
7.2	<i>Công ty QISC</i>	<i>21.135</i>	<i>21.135</i>	<i>21.135</i>	<i>0</i>			<i>12.551</i>	<i>12.551</i>	<i>12.551</i>	<i>0</i>			<i>59</i>
8	Sở Công Thương	55.792	5.194	3.000	2.194	50.598		2.194	2.194	0	2.194	0		3,9
9	Sở Y tế	33.043	32.546	21.585	10.961	497,82		2.579	2.081	1.689	392	497,82		7,8
10	Bộ Chỉ huy quân sự tỉnh	119.845	119.845	25.600	94.245			46.393	46.393	11.388	35.004			38,7
11	Công an tỉnh	27.407	27.407	26.350	1.057			8.789	8.789	7.732	1.057			32,1

TT	Đơn vị	Tổng kế hoạch vốn						Số giải ngân đến 30/6/2021						Tỷ lệ giải ngân (%)
		Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:						
			Kế hoạch giao đầu năm	Trong đó		Kế hoạch vốn kéo dài		Kế hoạch vốn bổ sung	Giải ngân KHV giao đầu năm	Trong đó		Giải ngân KHV kéo dài	Giải ngân KHV bổ sung	
				Địa phương	TW					Địa phương	TW			
1	2	3=4+7+8	4=5+6	5	6	7	8	9=10+13+14	10=11+12	11	12	13	14	15=9/3
12	Trường Cao đẳng Y tế Đặng Thùy Trâm	4.000	4.000	4.000	0			3.000	3.000	3.000	0			75
13	Đài Phát thanh truyền hình tỉnh	20.279	20.279	20.223	56			19.979	19.979	19.923	56			99
14	Sở Tài chính (Trà nợ)	5.120	5.120	5.120	0			0	0	0	0			0
15	Sở Thông tin và truyền thông tỉnh	166,65	166,65	166,65	0			0	0	0,00	0			
16	Sở Xây dựng	671,65	671,65	50	622			621,65	621,65	0	621,65			93
17	Liên đoàn Lao động tỉnh	636,05	376,05	0	376	260		376,05	376,05	0	376,05	0		59,1
18	Sở Khoa học và Công nghệ	813,93	813,93	150	664	0		663,93	663,93	0	663,93	0		82
19	BCH Bộ đội biên phòng	2.098	2.098	400	1.698	0		1.698	1.698	0	1.698	0		81
20	Sở Kế hoạch và đầu tư	23.000	15.000	15.000		8.000		0	0	0		0		0
21	Văn phòng Đoàn Đại biểu Quốc hội	979,86	979,86	0	980	0		979,86	979,86	0	979,86	0		100
22	Sở Văn hóa - TT và Du Lịch	1.141	614	0	614	527		614	614	0	614	0		53,8
23	Văn phòng Tỉnh Ủy	668	668	0	668			668	668	0	668			100
24	Sở LĐ-TB và XH	849	849	0	849			849	849	0	849			100
25	Sở Tư pháp	349	349	0	349			349	349	0	349			100
26	Thanh tra tỉnh	20	20	0	20			20	20	0	20			100
27	Công ty CP Môi trường Đô thị Quảng Ngãi	511	511	0	511			511	511	0	511			100
28	Hội nạn nhân chất độc da cam	38	38	0	38			38	38	0	38			100
29	Công ty TNHH MTV Khai thác công trình thủy lợi	2.813	0			2.813		0	0			0		0

TT	Đơn vị	Tổng kế hoạch vốn						Số giải ngân đến 30/6/2021						Tỷ lệ giải ngân (%)
		Tổng số	Trong đó:				Tổng số	Trong đó:						
			Kế hoạch giao đầu năm	Trong đó		Kế hoạch vốn kéo dài		Kế hoạch vốn bổ sung	Giải ngân KHV giao đầu năm	Trong đó		Giải ngân KHV kéo dài	Giải ngân KHV bổ sung	
Địa phương	TW	Địa phương		TW										
1	2	3=4+7+8	4=5+6	5	6	7	8	9=10+13+14	10=11+12	11	12	13	14	15=9/3
30	Tinh đoàn	13,318	0			13,318		0	0			0		0
31	Trường Đại học Phạm Văn Đồng	1.000	0				1.000	0	0				0	
III	KH vốn chưa phân khai	961.422	961.422	806.372	155.050			0	0					0

Ghi chú: Tổng KH vốn đầu năm 2021 là 6.157.466 triệu đồng, đã phân khai đến ngày 30/6/2021 là 5.196.044 triệu đồng, chưa phân khai là 961.422 triệu đồng (Vốn tỉnh là 806.372 triệu đồng, vốn TW là 155.050 triệu đồng).

Phụ lục số 02

Danh mục dự án chưa nhập dự toán trên hệ thống Tabmis do đơn vị chưa cung cấp mã số dự án

(Kèm theo Công văn số 1925/STC-TCĐT ngày 16/7/2021 của Sở Tài chính)

ĐVT: Triệu đồng

TT	Tên đơn vị/dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn giao năm 2021	Ghi chú
	Tổng cộng (49 dự án)		9.033	
A	KẾ HOẠCH GIAO ĐẦU NĂM (48 dự án)		2.533	
I	Ngân sách địa phương (48 dự án)		2.533	
I.1	Tại Quyết định số 929/QĐ-UBND ngày 30/12/2020 (03 dự án)		533	
1	Chuẩn bị đầu tư (02 dự án)		200	
	Cầu và đường nối từ trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh đến huyện Tư Nghĩa (Cầu Trà Khúc 3)	BQL Giao thông	100	
	Xây dựng hệ thống xử lý chất thải rắn và nước thải y tế tại huyện Sơn Tây	Sở Y tế	100	
2	Dự án đã quyết toán, bố trí trả nợ quyết toán (01 dự án)		333	
	Tiểu dự án GPMB, dự án đầu tư xây dựng mở rộng Quốc lộ 1 đoạn Km1027 - Km1045+780, tỉnh Quảng Ngãi (đợt 1) gồm 7 khu tái định cư: Mẫu Trạch 2, Cống Khánh, Cây Trâm, Đồng Cù, Đồng Bà Tiền, Đồng Sát Dưới, Đồng Dưới Lộ	Sở Giao thông vận tải	333	(Bố trí sai nguồn nên đơn vị không cung cấp mã số, Sở Tài chính đã có Công văn số 440/STC-ĐT ngày 02/3/2021 đề nghị đơn vị phối hợp với Sở KH và ĐT trình cấp có thẩm quyền điều chỉnh)
I.2	QĐ số 345/QĐ-UBND ngày 12/5/2021 (45 dự án)		2.000	
1	Danh mục dự kiến đầu tư từ nguồn vốn XDCB tập trung và XSKT		1.450	
*	Sở, ban, ngành tỉnh			
+	02 tuyến đường giao thông nối đường D4 KCN VSIP - Đường số 7 KCN Tịnh Phong và tuyến đường Hàng Gia - Vĩnh Tuy	BQLDA ĐTXD các công trình Giao thông tỉnh	50	
+	Đầu tư xây dựng hệ thống điện chiếu sáng tuyến 1A - Thượng Hòa - tuyến đường Trì Bình - Dung Quất	BQLDA ĐTXD các công trình Giao thông tỉnh	50	

TT	Tên đơn vị/dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn giao năm 2021	Ghi chú
+	Làn đường giảm tốc tại nút giao thông Quốc lộ 1A KCN Tỉnh Phong	BQLDA ĐTXD các công trình Giao thông tỉnh	50	
+	Xây dựng hồ chứa nước Hồ Lắm, xã Bình Minh	BQLDA ĐTXD các công trình Giao thông tỉnh	50	
+	Xây dựng hồ chứa nước Hồ Lờ, xã Bình Minh	BQLDA ĐTXD các công trình Giao thông tỉnh	50	
+	Xây dựng mới hồ chứa nước Hồ Sâu	BQLDA ĐTXD các công trình Giao thông tỉnh	50	
+	Nâng cấp, cải tạo Bảo tàng tổng hợp tỉnh	BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh	50	
+	Trùng tu, Tôn tạo quần thể di tích thăm sát Bình Hòa	BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh	50	
+	Trung tâm Kiểm soát bệnh tật tỉnh	BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh	50	
+	Nâng cấp Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Quảng Ngãi (Đầu tư Trụ sở II, xã Nghĩa Kỳ, huyện Tư Nghĩa, tỉnh Quảng Ngãi)	BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh	50	
+	Trung tâm điều dưỡng người có công tỉnh Quảng Ngãi (Giai đoạn II)	BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh	50	
+	Nâng cao năng lực Trung tâm dịch vụ việc làm tỉnh Quảng Ngãi:	BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh	50	
+	Dự án Trường Cao đẳng Việt Nam - Hàn Quốc - Quảng Ngãi (<i>Hạng mục: Nhà làm việc, nhà thực hành, ứng dụng KHCN và các hạng mục phụ trợ</i>)	BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh	50	
+	Dự án Trang thiết bị hoạt động nghiệp vụ lưu trữ và bảo quản tài liệu lưu trữ của tỉnh Quảng Ngãi	BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh	50	
+	Trường THPT chuyên Lê Khiết - Xây dựng Ký túc xá; các hạng mục thiết yếu đạt tiêu chuẩn trường chuyên (giai đoạn 2)	BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh	50	
+	Xây dựng hạ tầng và các hạng mục phụ trợ thuộc quy hoạch Khu liên hợp xử lý chất thải rắn Nghĩa Kỳ	BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh	50	

TT	Tên đơn vị/dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn giao năm 2021	Ghi chú
+	Trụ sở làm việc Thanh tra Sở Giao thông vận tải	BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh	50	
+	Xây dựng nền tảng chia sẻ, tích hợp dùng chung (LGSP) tỉnh Quảng Ngãi	Sở Thông tin và Truyền thông	50	
+	Xây dựng Hệ thống Đài truyền thanh cơ sở Ứng dụng Công nghệ thông tin - Viễn thông	Sở Thông tin và Truyền thông	50	
+	Dự án chuyển đổi số hoạt động cơ quan hành chính nhà nước tỉnh Quảng Ngãi; xây dựng kho dữ liệu số phục vụ phát triển kinh tế số	Sở Thông tin và Truyền thông	50	
+	Văn phòng hỗ trợ khởi nghiệp đổi mới sáng tạo tỉnh Quảng Ngãi	Sở Khoa học và Công nghệ	50	
+	Đầu tư nâng cao năng lực hoạt động Trại Nghiên cứu thực nghiệm và Chuyển giao công nghệ	Sở Khoa học và Công nghệ	50	
+	Nâng cao năng lực thông tin và thống kê KH&CN	Sở Khoa học và Công nghệ	50	
+	Dự án Đầu tư hệ thống trang thiết bị cho sản xuất và truyền dẫn phát sóng các chương trình phát thanh, phát thanh có hình và trang bị máy phát điện dự phòng 500 KVA	Đài Phát thanh - Truyền hình	50	
+	Nâng cấp giao diện trang thông tin điện tử và các ứng dụng phục vụ quản lý nội dung	Đài Phát thanh - Truyền hình	50	
+	Máy chủ FTP truyền file HD/4k và Camera cho phóng viên theo chuẩn HD/4K	Đài Phát thanh - Truyền hình	50	
+	Đưa tín hiệu PTQ lên vệ tinh Vinasat theo chuẩn HD	Đài Phát thanh - Truyền hình	50	
+	Thiết bị kiểm duyệt chương trình truyền hình HD/4K và Hệ thống thiết bị trực tuyến qua mạng Internet/IP chuẩn HD/4K	Đài Phát thanh - Truyền hình	50	
+	Server lưu trữ HD/4K & hệ thống quản lý dữ liệu truyền hình số và camera cho phóng viên	Đài Phát thanh - Truyền hình	50	
2	Danh mục dự kiến đầu tư từ nguồn vốn NSTW trong nước		550	
+	Cầu và đường nối từ trung tâm huyện lỵ Sơn Tịnh đến huyện Tư Nghĩa (Cầu Trà Khúc 3)	BQLDA ĐTXD các công trình Giao thông tỉnh	50	

TT	Tên đơn vị/dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn giao năm 2021	Ghi chú
+	Kè chống sạt lở và tôn tạo cảnh quan bờ Nam sông Trà Khúc (Cầu Trà Khúc I - bến Tam Thương)	BQLDA ĐTXD các công trình Giao thông tỉnh	50	
+	Đê chắn sóng huyện Lý Sơn	BQLDA ĐTXD các công trình Giao thông tỉnh	50	
+	Đường Hoàng Sa - Dốc Sỏi, giai đoạn 1	BQLDA ĐTXD các công trình Giao thông tỉnh	50	
+	Nâng cấp, cải tạo Sân vận động tỉnh và xây dựng đường vành đai xung quanh sân vận động	BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh	50	
+	Xây dựng Hội trường thuộc trụ sở UBND tỉnh	BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh	50	
+	Trung tâm Hội nghị và Triển lãm tỉnh	BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh	50	
+	Nâng cấp bệnh viện đa khoa tỉnh (Hạng mục: Khu điều trị cán bộ trung cao, khu kỹ thuật cao, các khoa phòng chức năng và hạng phụ trợ)	BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh	50	
+	Trung tâm Y tế huyện Sơn Tịnh	BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh	50	
+	Nâng cấp, mở rộng Bệnh viện đa khoa Đặng Thùy Trâm	BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh	50	
+	Nâng cấp Trung tâm Công tác xã hội tỉnh Quảng Ngãi (Hạng mục: Đầu tư trụ sở I, phường Nghĩa Chánh)	BQLDA ĐTXD các công trình Dân dụng và Công nghiệp tỉnh	50	
3	<i>Danh mục dự kiến đầu tư từ nguồn thu tiền sử dụng đất</i>		250	
+	Khu dân cư An Phú (đảo Ngọc)	BQLDA ĐTXD các công trình Giao thông tỉnh	50	
+	Đường Tịnh Phong - cảng Dung Quất II, giai đoạn I	BQLDA ĐTXD các công trình Giao thông tỉnh	50	
+	Cầu Trà Khúc 1	BQLDA ĐTXD các công trình Giao thông tỉnh	50	

TT	Tên đơn vị/dự án	Chủ đầu tư	Kế hoạch vốn giao năm 2021	Ghi chú
+	Khu dân cư Đồng Rừng	Sở Tài nguyên và Môi trường	50	
+	Khu đô thị Bến Đình	Sở Tài nguyên và Môi trường	50	
B	BỔ SUNG (01 dự án)		6.500	
	Tại Quyết định số 346/QĐ-UBND ngày 12/5/2021 của UBND tỉnh			
	<i>Sửa chữa hư hỏng trên tuyến đường Trường Sa, Hoàng Sa do ảnh hưởng thiên tai năm 2020</i>	Sở Giao thông vận tải	6.500	